

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG
Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 30 – 12 – 2025
“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thủy.

Bà Trần Thị Khanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thảo N**, sinh năm 2003;

Căn cước công dân số: 030303003223;

HKTT và cư trú: Thôn C L, xã T K, thành phố HP.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1994;

Căn cước công dân số: 030094014178;

HKTT và cư trú: Số 21/179 VH, phường VH, thành phố HP.

Đều vắng mặt tại phiên toà (đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo N trình bày: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2025 tại UBND phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình anh T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng trong cách sống. Chị xác định, chị sinh con tâm lý chưa ổn định nhưng anh không động viên, chia sẻ những vất vả của chị mà thường xuyên có những lời nói xúc phạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý của chị. Trước sự việc đó, chị đã bế con về gia đình nhà ngoại sinh sống từ tháng 5/2025 đến nay. Trong khoảng thời gian anh chị sống ly thân, anh chị không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/02/2025. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng, chị cũng chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Anh chị xác định, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Quan điểm của bị đơn anh Nguyễn Bá T trình bày: Anh và chị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn như nguyên đơn trình bày là chính xác. Thực tế anh chị đã chung sống cùng nhau một thời gian dài, khi chị N có thai anh và chị mới tiến hành đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình anh được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N tính tình trẻ con, không có lập trường vững vàng nên bị người khác tác động. Chị sinh con được một thời gian ngắn thì vợ chồng mâu thuẫn chị bế con về gia đình nhà ngoại ở. Anh cũng tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Thực sự anh vẫn còn tình cảm với chị N và anh thương con còn nhỏ nhưng anh không có cách nào làm chị thay đổi cách suy nghĩ, chị kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Công việc của anh rất bận, anh không có thời gian đến Tòa án để tham gia hòa giải. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày là chính xác. Hiện nay con anh còn nhỏ và đang sinh sống cùng chị N. Anh nhất trí để chị N nuôi dưỡng con và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn (thông qua đơn xin xét xử vắng mặt) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ vợ chồng và con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Bị đơn còn vắng mặt các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Thảo N được ly hôn anh Nguyễn Bá T: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/02/2025 cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị N, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (được viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Bá T có hộ khẩu thường trú tại phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Họ đều có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thảo N và anh Nguyễn Bá T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND phường Việt Hòa, thành phố Hải

Phòng vào năm 2025. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày phù hợp với nhau: Do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Gia đình hai bên đã tác động nhiều lần nhưng không hòa giải được. Anh chị sống ly thân một thời gian, hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và không có biện pháp gì để tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc. Chị N kiên quyết xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn. Điều đó khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải và phiên tòa anh T đều vắng mặt nên HĐXX cần xử cho chị Nguyễn Thị Thảo N được ly hôn anh Nguyễn Bá T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Anh chị đều thống nhất quan điểm. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/02/2025 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng. HĐXX xét thấy, con Nguyễn Minh K còn nhỏ tuổi (dưới 36 tháng tuổi), hiện nay con đang do chị N nuôi dưỡng và chị N có đủ điều kiện về vật chất lẫn tinh thần để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên thỏa thuận của anh chị được HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn. Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Thảo N ly hôn anh Nguyễn Bá T.

[2]. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/02/2025 cho chị Nguyễn Thị Thảo N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N. Nếu anh T vi phạm thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo N phải chịu số tiền 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005973 ngày 06/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí. Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bá T, chị Nguyễn Thị Thảo N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Đào